

Số: 2737/Tr-UBND

Điện Biên, ngày 21 tháng 9 năm 2017

VĂN PHÒNG HĐND T. ĐIỆN BIÊN	
DẾN	Số: ... 8657
	Ngày: 21/9 ... Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4, Điều 1 của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND
	Chuyên: ...
	Lưu hồ sơ số:

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4, Điều 1 của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 08/7/2015 của HĐND tỉnh Điện Biên

Kính gửi: HĐND tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002; Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 8/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Thực hiện Văn bản số 2316/BTP-KTrVB ngày 5/7/2017 của Bộ Tư Pháp về việc kiến nghị xử lý văn bản trái pháp luật;

UBND tỉnh Điện Biên kính trình HĐND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4, Điều 1 của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 8/7/2015 của HĐND tỉnh Điện Biên về việc Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên, cụ thể như sau:

I. VỀ SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Tại Điều 13 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn như sau: Cấp xã loại 1 tối đa 22 người; loại 2 tối đa 20 người; loại 3 tối đa 19 người. Tuy nhiên, tại điểm a, Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND quy định số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn như sau: Cấp xã loại 1 tối đa 24 người; loại 2 tối đa 23 người; loại 3 tối đa 22 người. Quy định này vượt quá số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn quy định Điều 13 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP nêu trên, nên việc sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND là cần thiết.

Tại Khoản 4, Điều 1 Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND quy định nguồn kinh phí thực hiện phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách nói chung *do ngân sách Trung ương đảm bảo*. Tuy nhiên, tại Khoản 1, Điều 8, Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh công an xã; Khoản 1, Điều 3, Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản quy định: *Chế độ phụ cấp đối với các chức danh Công an viên, nhân viên y tế thôn, bản do ngân sách Trung ương và địa phương đảm bảo. Riêng đối với chức danh bảo vệ dân phố do ngân sách địa phương đảm bảo*.

Từ những lý do trên, việc sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4, Điều 1 của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc ban hành Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4, Điều 1 của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 8/7/2015 của HĐND tỉnh Điện Biên nhằm đảm bảo thực hiện theo đúng các quy định hiện hành, kịp thời xử lý những nội dung có dấu hiệu trái pháp luật theo kiến nghị của Bộ Tư pháp tại Văn bản số 2316/BTP-KTrVB ngày 5/7/2017 của Bộ Tư Pháp về việc kiến nghị xử lý văn bản trái pháp luật.

2. Quan điểm chỉ đạo

Nghị quyết ban hành phải đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của pháp luật.

Việc sửa đổi bổ sung Nghị quyết phải đảm bảo hết sức khẩn trương, chất lượng, bám sát các quy định của Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách của tỉnh; đảm bảo sự ổn định về chức danh, chế độ, chính sách cho đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở; rà soát để sửa đổi, bổ sung những điểm chưa phù hợp với các quy định của hiện hành theo kiến nghị của Bộ Tư pháp.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Để xây dựng dự thảo Nghị quyết nêu trên, UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các Sở, ban, ngành có liên quan tiến hành rà soát những nội dung chưa phù hợp với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Trung ương; gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết theo quy định.

UBND tỉnh đã tổ chức họp ngày 21/9/2017 để thảo luận, thống nhất nội dung của dự thảo Nghị quyết, sau đó UBND tỉnh đã hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và trình Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh thẩm tra theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

IV. VỀ BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Về bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm có 3 Điều, trong đó:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 8/7/2015 của HĐND tỉnh Điện Biên Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Hiệu lực thi hành

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Căn cứ vào ý kiến thẩm định văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tư pháp; quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4, Điều 1 Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND về số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, cụ thể như sau:

“Điều 1: Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Cụ thể như sau:

1. Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn

a) Số lượng:

- Cấp xã loại 1 tối đa 22 người;
- Cấp xã loại 2 tối đa 20 người;
- Cấp xã loại 3 tối đa 19 người.”


“4. Nguồn kinh phí thực hiện: Do ngân sách Trung ương và địa phương đảm bảo. Đối với các chức danh: Trưởng ban bảo vệ dân phố; Phó Trưởng ban bảo vệ dân phố; Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố và Tổ viên tổ bảo vệ dân phố do ngân sách địa phương đảm bảo.”

(có dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh kèm theo)

V. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN: KHÔNG CÓ

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- Lưu VT, NC, NV. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Mùa A Sơn

Số: /2017/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày tháng năm 2017

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

V/v sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 8/7/2015 của HĐND tỉnh Điện Biên Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 6 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 8/4/2013 của Chính Phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính Phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 8/7/2015 của HĐND tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 8/7/2015 của HĐND tỉnh Điện Biên Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên

trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên, như sau:

“Điều 1: Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Cụ thể như sau:

1. Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn

a) Số lượng:

- Cấp xã loại 1 tối đa 22 người;
- Cấp xã loại 2 tối đa 20 người;
- Cấp xã loại 3 tối đa 19 người.”

“4. Nguồn kinh phí thực hiện: Do ngân sách Trung ương và địa phương đảm bảo. Đối với các chức danh: Trưởng ban bảo vệ dân phố; Phó Trưởng ban bảo vệ dân phố; Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố và Tổ viên tổ bảo vệ dân phố do ngân sách địa phương đảm bảo.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định và chỉ đạo tổ chức thực hiện theo quy định của Pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị Quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2017.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XIV, kỳ họp thứ 6 (chuyên đề) thông qua ngày tháng năm 2017./.

Nơi nhận:

- UBTVQH;
- VP Quốc hội;
- VP Chính Phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND tỉnh;
- ĐBQH, ĐBHĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành tỉnh;
- TT HĐND các huyện, TX, TP
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Điện Biên Phủ;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lò Văn Muôn

1000/10 - 1000/10

V

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 368/2015/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày 08 tháng 7 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

V/v Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
ĐẾN Số: 368/2015/NQ-HĐND
Ngày: 08/07/2015
Chuyển: ...
Lưu hồ sơ số: Căn cứ Luật

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ 14**

Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 8/4/2013 của Chính Phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính Phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Sau khi xem xét Tờ trình số: 2233/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm tra số: 20/BC-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Cụ thể như sau:

1. Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn

a) Số lượng:

- Cấp xã loại 1 tối đa 24 người;
- Cấp xã loại 2 tối đa 23 người;
- Cấp xã loại 3 tối đa 22 người.

b) Chức danh:

- Chủ tịch Hội người cao tuổi.
- Chủ tịch Hội chữ thập đỏ.
- Phó trưởng Công an (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy).
- Phó chỉ huy trưởng quân sự.
- Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi - Nông, lâm, ngư nghiệp.
- Lao động thương binh và xã hội.
- Tổ chức Đảng.
- Kiểm tra Đảng.
- Tuyên giáo.
- Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc.
- Phó Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.
- Phó chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ.
- Phó chủ tịch Hội Nông dân.
- Phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh.
- Văn phòng Đảng ủy.
- Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ.
- Thi đua - Khen thưởng - Dân tộc - Tôn giáo.
- Phụ trách Đài truyền thanh (nơi có đài truyền thanh).
- Quản lý nhà Văn hóa (nơi có nhà văn hóa).
- Phó chủ tịch Hội người cao tuổi.
- Phó chủ tịch Hội chữ thập đỏ.
- Công an viên thường trực.

c) Mức phụ cấp:

- Chủ tịch Hội người cao tuổi; Chủ tịch Hội chữ thập đỏ; Phó trưởng Công an (nơi chưa bố trí được lực lượng công an chính quy); Phó chỉ huy trưởng quân sự; Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi - Nông, lâm, ngư nghiệp; Lao động thương binh và xã hội. Hưởng mức phụ cấp hệ số 1,0 so với mức lương cơ sở.

- Tổ chức Đảng; Kiểm tra Đảng; Tuyên giáo; Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc; Phó Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Phó chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Phó chủ tịch Hội Nông dân; Phó chủ tịch Hội Cựu chiến

binh; Văn phòng Đảng ủy; Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ; Thi đua - Khen thưởng
- Dân tộc - Tôn giáo. Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,7 so với mức lương cơ sở.

- Phụ trách Đài truyền thanh (nơi có đài truyền thanh); Quản lý nhà Văn hóa (nơi có nhà văn hóa); Phó chủ tịch Hội người cao tuổi; Phó chủ tịch Hội chữ thập đỏ; Công an viên thường trực. Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở.

2. Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố.

a) Số lượng:

- Đối với những thôn, bản thuộc xã trọng điểm về quốc phòng - an ninh; xã biên giới, xã loại 1, loại 2; thôn, bản, còn khó khăn về công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em theo danh sách được UBND tỉnh phê duyệt: Tối đa 19 người.

- Đối với những thôn, bản, tổ dân phố thuộc xã, phường còn lại: Tối đa 17 người.

b) Chức danh:

- Bí thư chi bộ.
- Trưởng thôn, bản, tổ dân phố.
- Công an viên.
- Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, bản, tổ dân phố.
- Chi Hội Trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ.
- Bí thư Chi Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
- Chi hội Trưởng Hội Cựu chiến binh.
- Chi hội Trưởng Hội Nông dân.
- Nhân viên y tế thôn, bản.
- Cô đỡ thôn, bản.
- Thôn Đội trưởng.
- Trưởng ban bảo vệ dân phố.
- Phó trưởng ban bảo vệ dân phố.
- Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố.
- Tổ viên tổ bảo vệ dân phố.

c) Mức phụ cấp:

- Bí thư chi bộ; Trưởng thôn, bản, tổ dân phố. Mỗi chức danh hưởng mức phụ cấp hệ số 0,65 so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự; xã biên giới; xã loại 1, loại 2); Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,6 so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản thuộc các xã còn lại; tổ dân phố).

- Công an viên. Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở.
- Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, bản, tổ dân phố. Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,3 so với mức lương cơ sở (*đối với những thôn, bản thuộc xã trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự; thôn, bản thuộc xã biên giới, xã loại 1, xã loại 2*); Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,25 so với mức lương cơ sở (*đối với những thôn, bản còn lại và các tổ dân phố*).
- Chi Hội Trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ; Bí thư Chi Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Chi hội Trưởng Hội Cựu chiến binh; Chi hội Trưởng Hội Nông dân. Mỗi chức danh hưởng mức phụ cấp hệ số 0,25 so với mức lương cơ sở (*đối với những thôn, bản thuộc xã trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự; thôn, bản thuộc xã biên giới, xã loại 1, xã loại 2*); Hưởng mức phụ cấp 0,2 so với mức lương cơ sở (*đối với những thôn, bản còn lại và các tổ dân phố*).
- Nhân viên y tế thôn, bản. Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở (*đối với thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng chính phủ*); Hưởng mức phụ cấp 0,3 so với mức lương cơ sở (*đối với những thôn, bản tại các xã còn lại*).
- Cô đỡ thôn, bản (*đối với những thôn, bản còn khó khăn về công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em theo danh sách được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt*) hưởng mức phụ cấp hệ số 0,3 so với mức lương cơ sở, (*trường hợp được hỗ trợ thấp hơn từ các nguồn kinh phí khác, ngân sách địa phương chi phần chênh lệch đảm bảo mức hưởng theo hệ số quy định trên*).
- Thôn Đội trưởng. Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở.
- Trưởng ban bảo vệ dân phố. Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,7 so với mức lương cơ sở.
- Phó trưởng ban bảo vệ dân phố. Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở.
- Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố. Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,4 so với mức lương cơ sở.
- Tổ viên tổ bảo vệ dân phố. Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,3 so với mức lương cơ sở.

3. Chế độ phụ cấp kiêm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và các chức danh ở thôn, bản, tổ dân phố

Những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn kiêm nhiệm các chức danh hoạt động không chuyên trách xã, phường, thị trấn hoặc một trong các chức danh quy định tại Khoản 1, Khoản 2 bố trí kiêm nhiệm mà giám được một người trong quy định số lượng các chức danh trên thì kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 20% mức phụ cấp hiện hưởng của chức danh kiêm nhiệm (trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp bằng 20%).

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách Trung ương.

5. Mức phụ cấp đối với chức danh mới bổ sung; Chức danh được nâng phụ cấp, hưởng từ ngày 01.01.2015.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định và chỉ đạo tổ chức thực hiện theo quy định của Pháp luật.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị Quyết.

Điều 4. Nghị quyết có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; thay thế Nghị quyết 164/2009/NQ-HĐND ngày 14/7/2009 V/v Điều chỉnh mức phụ cấp cho nhân viên Y tế thôn, bản; Nghị quyết số 176/2009/NQ-HĐND ngày 11/12/2009 V/v thành lập Bảo vệ dân phố và chế độ, chính sách của bảo vệ dân phố; Nghị quyết số 189/2010/NQ-HĐND ngày 16/7/2010 V/v quy định chức danh, số lượng và chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố; thay thế Điểm 2 Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 246/2011/NQ-HĐND ngày 25/7/2011 V/v ban hành một số chế độ chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ khi thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên; thay thế Điểm 3.1, 3.2 khoản 3; khoản 4 mục 2 phần II Điều 1 Nghị quyết số 340/NQ-HĐND ngày 23/7/2014 Thông qua Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả bảo vệ an ninh, trật tự của lực lượng Công an xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên” giai đoạn 2014-2020.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XIII, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2015./.

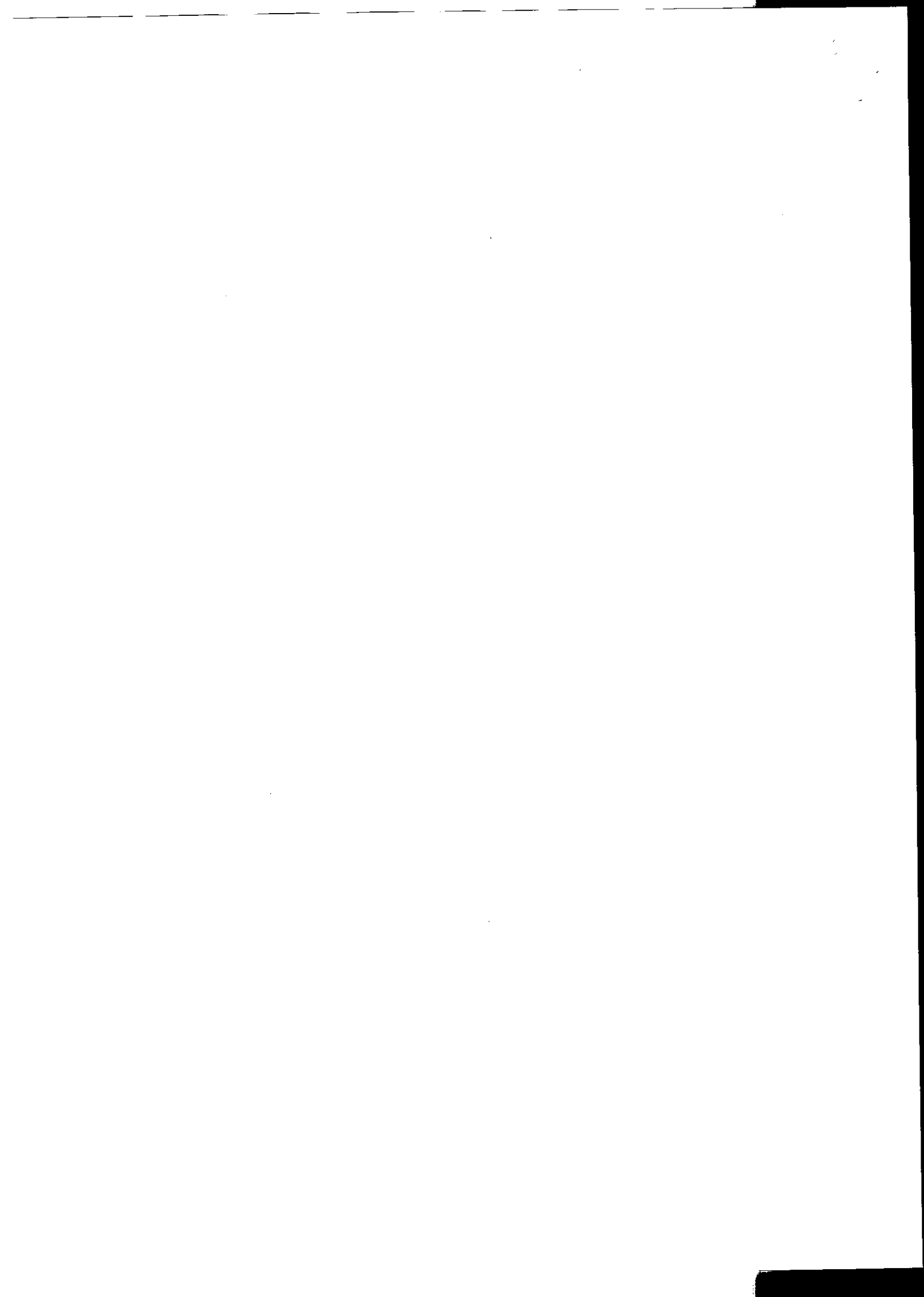
Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VP Quốc hội;
- VP Chính Phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND tỉnh;
- ĐBQH, ĐBHĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận TQ tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP
- Lưu: VT *nh*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Giàng Thị Hoa



Số: 10 /2015/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 24 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

V/v giao số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Pháp lệnh Công an xã ngày 21 tháng 11 năm 2008; Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh công an xã;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009; Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ về bảo vệ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 8/4/2013 của Chính Phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính Phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản; Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT/BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 08/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao số lượng, bố trí, sử dụng và chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Điện Biên

1. Số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã):

- a) Cấp xã loại 1 được bố trí tối đa 25 cán bộ, công chức;
- b) Cấp xã loại 2 được bố trí tối đa 23 cán bộ, công chức;
- c) Cấp xã loại 3 được bố trí tối đa 21 cán bộ, công chức;

2. Bố trí, sử dụng cán bộ, công chức ở cấp xã.

a) Cán bộ cấp xã:

Mỗi chức danh cán bộ cấp xã được bố trí tối đa không quá 01 người đảm nhiệm, riêng chức danh Phó Chủ tịch UBND cấp xã được bố trí theo số lượng quy định hiện hành của pháp luật.

b) Công chức cấp xã:

Đối với các chức danh công chức: Trưởng Công an, Chỉ huy Trưởng Quân sự được bố trí 01 người đối với mỗi chức danh đảm nhiệm.

Chức danh Văn hóa - Xã hội và chức danh Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường đối với xã được bố trí 02 người đối với mỗi chức danh đảm nhiệm.

Các chức danh công chức: Văn phòng - Thống kê, Tài chính - Kế toán, Tư pháp - Hộ tịch đối với xã, phường, thị trấn và chức danh Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) được bố trí phù hợp theo yêu cầu nhiệm vụ và có thể bố trí thêm nếu thực sự cần thiết, nhưng không vượt quá số lượng cán bộ, công chức được giao.

c) Nguyên tắc bố trí cán bộ, công chức cấp xã

Việc bố trí cán bộ, công chức phải đảm bảo có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt; đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn và năng lực công tác. Đồng thời phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, số lượng theo quy định. Phù hợp với vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ ở cơ sở, phải thực sự cần thiết mới bố trí cán bộ để đảm nhiệm.

Việc bố trí cán bộ, công chức cấp xã (bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về làm cán bộ, công chức cấp xã) phải đảm bảo các lĩnh vực công tác, nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền cấp xã đều có người đảm nhiệm. Ngoài các tiêu chuẩn theo quy định hiện hành, khi bố trí cần ưu tiên những người có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên để giới thiệu giữ các chức vụ là cán bộ cấp xã.

Đối với việc bố trí công chức cấp xã, ngoài quy định nêu trên thì phải đảm bảo về số lượng, yêu cầu về trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí đảm nhiệm.

3. Chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở cấp xã

a) Cán bộ, công chức cấp xã được hưởng chế độ tiền lương và phụ cấp theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP.

b) Cán bộ công chức cấp xã thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP.

c) Riêng đối với Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam cấp xã là người đang hưởng chế độ hưu trí, ngoài lương hưu hiện hưởng, hàng tháng được hưởng 100% mức lương bậc 01 của chức danh đảm nhiệm theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 5 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và không phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Sau thời gian đủ 5 năm (60 tháng) xếp bậc 1 nếu hoàn thành nhiệm vụ được giao và không bị kỷ luật trong suốt thời gian này thì được hưởng 100% mức lương bậc 2 của chức danh đảm nhiệm.

Điều 2. Quy định số lượng, chức danh, bố trí, sử dụng và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn

1. Số lượng:

- a) Cấp xã loại 1 tối đa 24 người;
- b) Cấp xã loại 2 tối đa 23 người;
- c) Cấp xã loại 3 tối đa 22 người.

2. Chức danh:

- a) Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- b) Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;
- c) Phó Trưởng Công an (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy);
- d) Phó Chỉ huy trưởng Quân sự;
- đ) Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi - Nông - Lâm, ngư nghiệp;
- e) Lao động - Thương binh và xã hội;
- g) Tổ chức Đảng;
- h) Kiểm tra Đảng;

- i) Tuyên Giáo;
- k) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc;
- l) Phó Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;
- m) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- n) Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
- o) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- p) Văn phòng Đảng ủy;
- q) Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ;
- r) Thi đua - Khen thưởng - Dân tộc - Tôn giáo;
- s) Phụ trách Đài truyền thanh (nơi có Đài truyền thanh);
- t) Quản lý nhà Văn hóa (nơi có nhà văn hóa);
- u) Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- v) Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;
- x) Công an viên thường trực.

3. Bố trí, sử dụng:

Chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã được bố trí 01 người. Căn cứ vào tình hình thực tế và khối lượng công việc tại địa phương, xét thấy thực sự cần thiết thì có thể bố trí thêm nhưng không vượt quá 02 người.

Chức danh Phó Trưởng Công an và Phó chỉ huy Trưởng Quân sự thuộc xã trọng điểm về quốc phòng - an ninh, xã biên giới và cấp xã loại 1, loại 2 theo quyết định về phân loại đơn vị hành chính cấp xã được bố trí 02 người với mỗi chức danh đảm nhiệm; xã loại 3 chỉ được bố trí 01 người với mỗi chức danh đảm nhiệm. Chức danh Công an viên thường trực mỗi xã được bố trí 02 người.

Các chức danh còn lại chỉ được bố trí 01 người cho mỗi chức danh đảm nhiệm.

4. Mức phụ cấp:

a) Chủ tịch Hội Người cao tuổi; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ; Phó trưởng Công an (nơi chưa bố trí được lực lượng công an chính quy); Phó Chỉ huy trưởng Quân sự; Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi - Nông - Lâm, ngư nghiệp; Lao động - Thương binh và Xã hội. Mỗi chức danh hưởng mức phụ cấp hệ số 1,0 so với mức lương cơ sở.

b) Tổ chức Đảng; Kiểm tra Đảng; Tuyên giáo; Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Phó Chủ tịch Hội Nông dân; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Văn phòng Đảng ủy; Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ; Thi đua - Khen thưởng - Dân tộc - Tôn giáo. Mỗi chức danh hưởng mức phụ cấp hệ số 0,7 so với mức lương cơ sở.

c) Phụ trách Đài truyền thanh (nơi có đài truyền thanh); Quản lý nhà Văn hóa (nơi có nhà văn hóa); Phó chủ tịch Hội Người cao tuổi; Phó chủ tịch Hội Chữ thập đỏ. Mỗi chức danh hưởng mức phụ cấp hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở.

Điều 3. Quy định số lượng, chức danh, bố trí, sử dụng và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố

1. Số lượng:

- Đối với những thôn, bản thuộc xã trọng điểm về quốc phòng - an ninh; xã biên giới; xã loại 1, loại 2; thôn, bản còn khó khăn về công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em theo danh sách được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và Tổ dân phố được bố trí tối đa 19 người.

- Đối với những thôn, bản, tổ dân phố thuộc xã còn lại được bố trí tối đa 17 người”.

2. Chức danh:

a) Bí thư chi bộ;

b) Trưởng thôn, bản, tổ dân phố;

c) Công an viên;

d) Trưởng Ban công tác mặt trận ở thôn, bản, tổ dân phố;

đ) Chi Hội trưởng hội Phụ nữ;

e) Bí thư chi đoàn thanh niên công sản Hồ Chí Minh;

g) Chi Hội trưởng hội Cựu chiến binh;

h) Chi Hội trưởng hội Nông dân.

i) Nhân viên y tế thôn, bản;

k) Cô đỡ thôn, bản;

l) Thôn đội trưởng;

m) Trưởng ban bảo vệ dân phố;

n) Phó trưởng ban bảo vệ dân phố;

o) Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố;

p) Tổ viên tổ bảo vệ dân phố;

3. Bố trí, sử dụng:

Việc bố trí những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố phải căn cứ vào nhu cầu thực tế, sự cần thiết về công việc để bố trí cho phù hợp, có thể bố trí kiêm nhiệm trên cơ sở khuyến khích người có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực công tác. Riêng chức danh Công an viên được bố trí theo quy định tại Nghị định số 73/2009/NĐ-CP; Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án "Nâng cao chất lượng, hiệu quả bảo vệ an ninh, trật tự của lực lượng Công an xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2014-2020".

4. Mức phụ cấp:

a) Bí thư chi bộ; Trưởng thôn, bản, tổ dân phố. Mỗi chức danh hưởng mức phụ cấp hệ số 0,65 so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự; xã biên giới; xã loại 1, loại 2); hưởng mức phụ cấp hệ số 0,6 so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản thuộc các xã còn lại; tổ dân phố).

b) Công an viên; Công an viên thường trực. Mỗi chức danh hưởng mức phụ cấp hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở.

c) Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, bản, tổ dân phố được hưởng mức phụ cấp hệ số 0,3 so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản thuộc xã trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự; thôn, bản thuộc xã biên giới, xã loại 1, xã loại 2); hưởng mức phụ cấp 0,25 so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản còn lại và các tổ dân phố).

d) Trưởng các Đoàn thể ở thôn, bản, tổ dân phố bao gồm: Chi Hội Trưởng Hội Phụ nữ; Bí thư Chi Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Chi hội Trưởng Hội Cựu chiến binh; Chi hội Trưởng Hội Nông dân. Mỗi chức danh hưởng mức phụ cấp hệ số 0,25 so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản thuộc xã trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự; thôn, bản thuộc xã biên giới, xã loại 1, xã loại 2); hưởng mức phụ cấp 0,2 so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản còn lại và các tổ dân phố).

đ) Nhân viên y tế thôn, bản hưởng mức phụ cấp hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở (đối với thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo Quyết định số 1049/2014/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng chính phủ); hưởng mức phụ cấp 0,3 so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản tại các xã còn lại).

e) Cô đỡ thôn, bản (đối với những thôn, bản còn khó khăn về công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em theo danh sách được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt) hưởng mức phụ cấp hệ số 0,3 so với mức lương cơ sở (trường hợp được hỗ trợ thấp hơn từ các nguồn kinh phí khác, ngân sách địa phương chỉ phần chênh lệch đảm bảo mức hưởng theo hệ số quy định trên);

g) Thôn Đội trưởng hưởng mức phụ cấp hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở;

h) Trưởng ban bảo vệ dân phố hưởng mức phụ cấp hệ số 0,7 so với mức lương cơ sở;

i) Phó Trưởng ban bảo vệ dân phố hưởng mức phụ cấp hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở;

k) Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố hưởng mức phụ cấp hệ số 0,4 so với mức lương cơ sở;

l) Tổ viên tổ bảo vệ dân phố hưởng mức phụ cấp hệ số 0,3 so với mức lương cơ sở.

Điều 4. Chế độ phụ cấp kiêm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và các chức danh ở thôn, bản, tổ dân phố

Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn. Những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn kiêm nhiệm các chức danh hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn hoặc một trong các chức danh quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quyết định này bố trí kiêm nhiệm mà giám được một người trong quy định số lượng các chức danh trên thì kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 20% mức phụ cấp hiện hưởng của chức danh kiêm nhiệm (trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp bằng 20%).

Điều 5. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng và chế độ bảo hiểm y tế đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố

1. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thực hiện chế độ bảo hiểm y tế đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn theo quy định quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế và các văn bản hướng dẫn.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nội vụ:

a) Chủ trì phối hợp với các ngành chức năng có liên quan tổ chức triển khai Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 8/4/2013 của Chính Phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính Phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương có liên quan.

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã rà soát, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố theo quy định.

c) Thực hiện việc thanh tra, kiểm tra bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố theo quy định.

d) Căn cứ vào số lượng quy định và nhu cầu cần thiết theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét, phê duyệt số lượng cụ thể cần tuyển dụng đối với đội ngũ công chức cấp xã trên toàn tỉnh.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ cân đối ngân sách để thực hiện chế độ chính sách theo quy định tại Nghị định số 29/2013/NĐ-CP và Quyết định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng phương án bố trí số lượng cán bộ, công chức; số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở xã,

phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố trình cấp có thẩm quyền quyết định. Giải quyết chế độ chính sách liên quan đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, bản, tổ dân phố.

Điều 7. Thời gian áp dụng thực hiện mức phụ cấp đối với chức danh mới bổ sung; chức danh được nâng phụ cấp, hưởng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách Trung ương.

Điều 9. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 08/2009/QĐ-UBND ngày 27/7/2009 về việc phê duyệt điều chỉnh mức phụ cấp cho nhân viên y tế thôn, bản; Quyết định số 22/2009/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 về việc thành lập Bảo vệ dân phố và chế độ chính sách đối với Bảo vệ dân phố; Quyết định số 12/2010/QĐ-UBND ngày 3/8/2010 về việc giao số lượng cán bộ, công chức và quy định chức danh, số lượng, chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố; thay thế Điểm 2 Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 25/2011/QĐ-UBND ngày 5/9/2011 về việc ban hành một số chế độ chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ khi thực hiện nhiệm vụ; thay thế khoản 3.1, 3.2 mục 3, mục 4 phần I Điều 1 Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án "Nâng cao chất lượng, hiệu quả bảo vệ an ninh, trật tự của lực lượng Công an xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2014-2020".

Điều 10. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /r

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Như Điều 10;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Điện Biên Phủ;
- Lưu: VT, TMI, NCVN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Mùa A Sơn

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 1745/TTr-SNV

Điện Biên, ngày 20 tháng 9 năm 2017

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 8/7/2015 của HĐND tỉnh Điện Biên và Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của UBND tỉnh Điện Biên

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN

DẾN

Số: 13122.....

Ngày: 21/9/2017

Chuyên:

Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: UBND tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 8/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Thực hiện Văn bản số 2316/BTP-KTrVB ngày 5/7/2017 của Bộ Tư Pháp về việc kiến nghị xử lý văn bản trái pháp luật;

Sở Nội vụ kính trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 8/7/2015 của HĐND tỉnh Điện Biên và Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của UBND tỉnh Điện Biên; cụ thể như sau:

I. Sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4, Điều 1 của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 8/7/2015 của HĐND tỉnh Điện Biên về việc Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Tại Điều 13 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn như sau: Cấp xã loại 1 tối đa 22 người; loại 2 tối đa 20 người; loại 3 tối đa 19 người. Tuy nhiên, tại điểm a, Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND quy định số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn như sau: Cấp xã loại 1 tối đa 24 người; loại 2 tối đa 23 người; loại 3 tối đa 22 người. Quy định này vượt quá số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn quy định Điều 13 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP nêu trên, nên việc sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND là cần thiết.

Tại Khoản 4, Điều 1 Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND quy định nguồn kinh phí thực hiện phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách nói chung *do ngân sách Trung ương đảm bảo*. Tuy nhiên, tại Khoản 1, Điều 8, Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi

tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh công an xã; Khoản 1, Điều 3, Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản quy định: *chế độ phụ cấp đối với các chức danh Công an viên, nhân viên y tế thôn, bản do ngân sách Trung ương và địa phương đảm bảo. Riêng đối với chức danh bảo vệ dân phố do ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính Phủ.*

Căn cứ vào ý kiến thẩm định văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tư pháp; quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, Sở Nội vụ đề nghị UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND về số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, cụ thể như sau:

“Điều 1: Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Cụ thể như sau:

1. Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn

a) Số lượng:

- Cấp xã loại 1 tối đa 22 người;
- Cấp xã loại 2 tối đa 20 người;
- Cấp xã loại 3 tối đa 19 người.”

“4. Nguồn kinh phí thực hiện: Do ngân sách Trung ương và địa phương đảm bảo. Đối với các chức danh: Trưởng ban bảo vệ dân phố; Phó Trưởng ban bảo vệ dân phố; Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố và Tổ viên tổ bảo vệ dân phố do ngân sách địa phương đảm bảo.”

II. Sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Để thực hiện ý kiến thẩm định văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tư pháp và những nội dung sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND như trên, Sở Nội vụ đề nghị UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 2 và Điều 8 của Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND, cụ thể như sau:

“Điều 2: Quy định số lượng, chức danh, bố trí, sử dụng và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn

1. Số lượng:

- a) Cấp xã loại 1 tối đa 22 người;
- b) Cấp xã loại 2 tối đa 20 người;

c) Cấp xã loại 3 tối đa 19 người;

“Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện: Do ngân sách Trung ương và địa phương đảm bảo. Đối với các chức danh: Trưởng ban bảo vệ dân phố; Phó Trưởng ban bảo vệ dân phố; Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố và Tổ viên tổ bảo vệ dân phố do ngân sách địa phương đảm bảo.”

(có dự thảo: Tờ trình UBND tỉnh trình HĐND tỉnh; dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, dự thảo Quyết định của UBND tỉnh)

Sở Nội vụ kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính (để phối hợp);
- Sở Tư pháp (để phối hợp);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, NV, TC.

GIÁM ĐỐC



Lê Hữu Khang

Số 1746BC-SNV

Điện Biên, ngày 20 tháng 9 năm 2017

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp về dự thảo V/v sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 8/7/2015 của HĐND tỉnh Điện Biên Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, Sở Nội vụ nhận được Báo cáo số 1107/BC-STP của của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Sở Nội vụ xin báo cáo giải trình, tiếp thu các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, như sau:

I. Đối với dự thảo Nghị quyết

Sở Tư pháp đề nghị chỉnh sửa tên gọi của Nghị quyết theo hướng: “Sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 8/7/2015 của HĐND tỉnh Điện Biên Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên”.

Về ý kiến này, Sở Nội vụ xin tiếp thu và đã chỉnh sửa trong dự thảo Nghị quyết.

Tên gọi của Nghị quyết được sửa lại như sau: “Nghị quyết V/v Sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 8/7/2015 của HĐND tỉnh Điện Biên Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên”.

2. Đối với dự thảo Tờ trình

Sở Tư pháp đề nghị Sở Nội vụ xây dựng dự thảo Tờ trình theo mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5

năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Về ý kiến này, Sở Nội vụ xin tiếp thu và đã chỉnh sửa trong Tờ trình dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4, Điều 1 của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 8/7/2015 của HĐND tỉnh Điện Biên.

Trên đây là Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4, Điều 1 của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Sở Nội vụ báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp;
- các Ban HĐND tỉnh;
- Lưu VT, NV.

GIÁM ĐỐC



Lê Hữu Khang

Số: /TTr-UBND

Điện Biên, ngày tháng 9 năm 2017

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4, Điều 1 của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 08/7/2015 của HĐND tỉnh Điện Biên

Kính gửi: HĐND tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002; Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 8/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Thực hiện Văn bản số 2316/BTP-KTrVB ngày 5/7/2017 của Bộ Tư Pháp về việc kiến nghị xử lý văn bản trái pháp luật;

UBND tỉnh Điện Biên kính trình HĐND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4, Điều 1 của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 8/7/2015 của HĐND tỉnh Điện Biên về việc Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên, cụ thể như sau:

I. VỀ SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Tại Điều 13 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn như sau: Cấp xã loại 1 tối đa 22 người; loại 2 tối đa 20 người; loại 3 tối đa 19 người. Tuy nhiên, tại điểm a, Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND quy định số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn như sau: Cấp xã loại 1 tối đa 24 người; loại 2 tối đa 23 người; loại 3 tối đa 22 người. Quy định này vượt quá số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn quy định Điều 13 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP nêu trên, nên việc sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND là cần thiết.

Tại Khoản 4, Điều 1 Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND quy định nguồn kinh phí thực hiện phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách nói chung *do ngân sách Trung ương đảm bảo*. Tuy nhiên, tại Khoản 1, Điều 8, Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh công an xã; Khoản 1, Điều 3, Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản quy định: *Chế độ phụ cấp đối với các chức danh Công an viên, nhân viên y tế thôn, bản do ngân sách Trung ương và địa phương đảm bảo. Riêng đối với chức danh bảo vệ dân phố do ngân sách địa phương đảm bảo*.

Từ những lý do trên, việc sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4, Điều 1 của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc ban hành Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4, Điều 1 của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 8/7/2015 của HĐND tỉnh Điện Biên nhằm đảm bảo thực hiện theo đúng các quy định hiện hành, kịp thời xử lý những nội dung có dấu hiệu trái pháp luật theo kiến nghị của Bộ Tư pháp tại Văn bản số 2316/BTP-KTrVB ngày 5/7/2017 của Bộ Tư Pháp về việc kiến nghị xử lý văn bản trái pháp luật.

2. Quan điểm chỉ đạo

Nghị quyết ban hành phải đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của pháp luật.

Việc sửa đổi bổ sung Nghị quyết phải đảm bảo hết sức khẩn trương, chất lượng, bám sát các quy định của Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách của tỉnh; đảm bảo sự ổn định về chức danh, chế độ, chính sách cho đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở; rà soát để sửa đổi, bổ sung những điểm chưa phù hợp với các quy định của hiện hành theo kiến nghị của Bộ Tư pháp.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Để xây dựng dự thảo Nghị quyết nêu trên, UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các Sở, ban, ngành có liên quan tiến hành rà soát những nội dung chưa phù hợp với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Trung ương; gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết theo quy định.

UBND tỉnh đã tổ chức họp ngày 21/9/2017 để thảo luận, thống nhất nội dung của dự thảo Nghị quyết, sau đó UBND tỉnh đã hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và trình Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh thẩm tra theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

IV. VỀ BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Về bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm có 3 Điều, trong đó:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 8/7/2015 của HĐND tỉnh Điện Biên Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Hiệu lực thi hành

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Căn cứ vào ý kiến thẩm định văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tư pháp; quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4, Điều 1 Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND về số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, cụ thể như sau:

“Điều 1: Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Cụ thể như sau:

1. Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn

a) Số lượng:

- Cấp xã loại 1 tối đa 22 người;***
- Cấp xã loại 2 tối đa 20 người;***
- Cấp xã loại 3 tối đa 19 người.”***

“4. Nguồn kinh phí thực hiện: Do ngân sách Trung ương và địa phương đảm bảo. Đối với các chức danh: Trưởng ban bảo vệ dân phố; Phó Trưởng ban bảo vệ dân phố; Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố và Tổ viên tổ bảo vệ dân phố do ngân sách địa phương đảm bảo.”

(có dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh kèm theo)

V. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN: KHÔNG CÓ

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;***
- TT HĐND tỉnh;***
- Lưu VT, NC, NV.***

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Mùa A Sơn

Số: /2017/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày tháng năm 2017

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

V/v sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 8/7/2015 của HĐND tỉnh Điện Biên Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 6 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 8/4/2013 của Chính Phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính Phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 8/7/2015 của HĐND tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 8/7/2015 của HĐND tỉnh Điện Biên Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không

chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên, như sau:

*“**Điều 1:** Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Cụ thể như sau:*

1. Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn

a) Số lượng:

- Cấp xã loại 1 tối đa 22 người;*
- Cấp xã loại 2 tối đa 20 người;*
- Cấp xã loại 3 tối đa 19 người.”*

“4. Nguồn kinh phí thực hiện: Do ngân sách Trung ương và địa phương đảm bảo. Đối với các chức danh: Trưởng ban bảo vệ dân phố; Phó Trưởng ban bảo vệ dân phố; Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố và Tổ viên tổ bảo vệ dân phố do ngân sách địa phương đảm bảo.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định và chỉ đạo tổ chức thực hiện theo quy định của Pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị Quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2017.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XIV, kỳ họp thứ 6 (chuyên đề) thông qua ngày tháng năm 2017./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VP Quốc hội;
- VP Chính Phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND tỉnh;
- ĐBQH, ĐBHĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành tỉnh;
- TT HĐND các huyện, TX, TP
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Điện Biên Phủ;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lò Văn Muôn

11/08/15 10h 15' 15/15

✓

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 368/2015/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày 08 tháng 7 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

V/v Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN

DẾN Số: 368/2015/NQ-HĐND
Ngày: 08/07/2015
Chuyên: ...
Lưu hồ sơ số: ...

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ 14**

Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 8/4/2013 của Chính Phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính Phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Sau khi xem xét Tờ trình số: 2233/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm tra số: 20/BC-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Cụ thể như sau:

1. Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn

a) Số lượng:

- Cấp xã loại 1 tối đa 24 người;
- Cấp xã loại 2 tối đa 23 người;
- Cấp xã loại 3 tối đa 22 người.

b) Chức danh:

- Chủ tịch Hội người cao tuổi.
- Chủ tịch Hội chữ thập đỏ.
- Phó trưởng Công an (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy).
- Phó chỉ huy trưởng quân sự.
- Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi - Nông, lâm, ngư nghiệp.
- Lao động thương binh và xã hội.
- Tổ chức Đảng.
- Kiểm tra Đảng.
- Tuyên giáo.
- Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc.
- Phó Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.
- Phó chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ.
- Phó chủ tịch Hội Nông dân.
- Phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh.
- Văn phòng Đảng ủy.
- Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ.
- Thi đua - Khen thưởng - Dân tộc - Tôn giáo.
- Phụ trách Đài truyền thanh (nơi có đài truyền thanh).
- Quản lý nhà Văn hóa (nơi có nhà văn hóa).
- Phó chủ tịch Hội người cao tuổi.
- Phó chủ tịch Hội chữ thập đỏ.
- Công an viên thường trực.

c) Mức phụ cấp:

- Chủ tịch Hội người cao tuổi; Chủ tịch Hội chữ thập đỏ; Phó trưởng Công an (nơi chưa bố trí được lực lượng công an chính quy); Phó chỉ huy trưởng quân sự; Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi - Nông, lâm, ngư nghiệp; Lao động thương binh và xã hội. Hưởng mức phụ cấp hệ số 1,0 so với mức lương cơ sở.

- Tổ chức Đảng; Kiểm tra Đảng; Tuyên giáo; Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc; Phó Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Phó chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Phó chủ tịch Hội Nông dân; Phó chủ tịch Hội Cựu chiến

binh; Văn phòng Đảng ủy; Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ; Thi đua - Khen thưởng - Dân tộc - Tôn giáo. Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,7 so với mức lương cơ sở.

- Phụ trách Đài truyền thanh (nơi có đài truyền thanh); Quản lý nhà Văn hóa (nơi có nhà văn hóa); Phó chủ tịch Hội người cao tuổi; Phó chủ tịch Hội chữ thập đỏ; Công an viên thường trực. Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở.

2. Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố.

a) Số lượng:

- Đối với những thôn, bản thuộc xã trọng điểm về quốc phòng - an ninh; xã biên giới, xã loại 1, loại 2; thôn, bản, còn khó khăn về công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em theo danh sách được UBND tỉnh phê duyệt: Tối đa 19 người.

- Đối với những thôn, bản, tổ dân phố thuộc xã, phường còn lại: Tối đa 17 người.

b) Chức danh:

- Bí thư chi bộ.
- Trưởng thôn, bản, tổ dân phố.
- Công an viên.
- Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, bản, tổ dân phố.
- Chi Hội Trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ.
- Bí thư Chi Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
- Chi hội Trưởng Hội Cựu chiến binh.
- Chi hội Trưởng Hội Nông dân.
- Nhân viên y tế thôn, bản.
- Cô đỡ thôn, bản.
- Thôn Đội trưởng.
- Trưởng ban bảo vệ dân phố.
- Phó trưởng ban bảo vệ dân phố.
- Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố.
- Tổ viên tổ bảo vệ dân phố.

c) Mức phụ cấp:

- Bí thư chi bộ; Trưởng thôn, bản, tổ dân phố. Mỗi chức danh hưởng mức phụ cấp hệ số 0,65 so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự; xã biên giới; xã loại 1, loại 2); Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,6 so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản thuộc các xã còn lại; tổ dân phố).

- Công an viên. Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở.
 - Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, bản, tổ dân phố. Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,3 so với mức lương cơ sở (*đối với những thôn, bản thuộc xã trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự; thôn, bản thuộc xã biên giới, xã loại 1, xã loại 2*); Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,25 so với mức lương cơ sở (*đối với những thôn, bản còn lại và các tổ dân phố*).
 - Chi Hội Trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ; Bí thư Chi Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Chi hội Trưởng Hội Cựu chiến binh; Chi hội Trưởng Hội Nông dân. Mỗi chức danh hưởng mức phụ cấp hệ số 0,25 so với mức lương cơ sở (*đối với những thôn, bản thuộc xã trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự; thôn, bản thuộc xã biên giới, xã loại 1, xã loại 2*); Hưởng mức phụ cấp 0,2 so với mức lương cơ sở (*đối với những thôn, bản còn lại và các tổ dân phố*).
 - Nhân viên y tế thôn, bản. Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở (*đối với thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng chính phủ*); Hưởng mức phụ cấp 0,3 so với mức lương cơ sở (*đối với những thôn, bản tại các xã còn lại*).
 - Cô đỡ thôn, bản (*đối với những thôn, bản còn khó khăn về công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em theo danh sách được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt*) hưởng mức phụ cấp hệ số 0,3 so với mức lương cơ sở, (*trường hợp được hỗ trợ thấp hơn từ các nguồn kinh phí khác, ngân sách địa phương chi phần chênh lệch đảm bảo mức hưởng theo hệ số quy định trên*).
 - Thôn Đội trưởng. Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở.
 - Trưởng ban bảo vệ dân phố. Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,7 so với mức lương cơ sở.
 - Phó trưởng ban bảo vệ dân phố. Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở.
 - Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố. Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,4 so với mức lương cơ sở.
 - Tổ viên tổ bảo vệ dân phố. Hưởng mức phụ cấp hệ số 0,3 so với mức lương cơ sở.
- 3. Chế độ phụ cấp kiêm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và các chức danh ở thôn, bản, tổ dân phố**

Những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn kiêm nhiệm các chức danh hoạt động không chuyên trách xã, phường, thị trấn hoặc một trong các chức danh quy định tại Khoản 1, Khoản 2 bố trí kiêm nhiệm mà giảm được một người trong quy định số lượng các chức danh trên thì kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 20% mức phụ cấp hiện hưởng của chức danh kiêm nhiệm (trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp bằng 20%).

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách Trung ương.

5. Mức phụ cấp đối với chức danh mới bổ sung; Chức danh được nâng phụ cấp, hưởng từ ngày 01.01.2015.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định và chỉ đạo tổ chức thực hiện theo quy định của Pháp luật.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị Quyết.

Điều 4. Nghị quyết có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; thay thế Nghị quyết 164/2009/NQ-HĐND ngày 14/7/2009 V/v Điều chỉnh mức phụ cấp cho nhân viên Y tế thôn, bản; Nghị quyết số 176/2009/NQ-HĐND ngày 11/12/2009 V/v thành lập Bảo vệ dân phố và chế độ, chính sách của bảo vệ dân phố; Nghị quyết số 189/2010/NQ-HĐND ngày 16/7/2010 V/v quy định chức danh, số lượng và chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố; thay thế Điểm 2 Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 246/2011/NQ-HĐND ngày 25/7/2011 V/v ban hành một số chế độ chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ khi thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên; thay thế Điểm 3.1, 3.2 khoản 3; khoản 4 mục 2 phần II Điều 1 Nghị quyết số 340/NQ-HĐND ngày 23/7/2014 Thông qua Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả bảo vệ an ninh, trật tự của lực lượng Công an xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên” giai đoạn 2014-2020.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XIII, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2015./.

Nơi nhận:

- UBTVQH;
- VP Quốc hội;
- VP Chính Phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND tỉnh;
- ĐBQH, ĐBHĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận TQ tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP
- Lưu: VT NSH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Giàng Thị Hoa

Số: *10* /2015/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày *24* tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

V/v giao số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Pháp lệnh Công an xã ngày 21 tháng 11 năm 2008; Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh công an xã;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009; Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ về bảo vệ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 8/4/2013 của Chính Phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính Phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản; Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT/BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 08/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao số lượng, bố trí, sử dụng và chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Điện Biên

1. Số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã):

a) Cấp xã loại 1 được bố trí tối đa 25 cán bộ, công chức;

b) Cấp xã loại 2 được bố trí tối đa 23 cán bộ, công chức;

c) Cấp xã loại 3 được bố trí tối đa 21 cán bộ, công chức;

2. Bố trí, sử dụng cán bộ, công chức ở cấp xã.

a) Cán bộ cấp xã:

Mỗi chức danh cán bộ cấp xã được bố trí tối đa không quá 01 người đảm nhiệm, riêng chức danh Phó Chủ tịch UBND cấp xã được bố trí theo số lượng quy định hiện hành của pháp luật.

b) Công chức cấp xã:

Đối với các chức danh công chức: Trưởng Công an, Chỉ huy Trưởng Quân sự được bố trí 01 người đối với mỗi chức danh đảm nhiệm.

Chức danh Văn hóa - Xã hội và chức danh Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường đối với xã được bố trí 02 người đối với mỗi chức danh đảm nhiệm.

Các chức danh công chức: Văn phòng - Thống kê, Tài chính - Kế toán, Tư pháp - Hộ tịch đối với xã, phường, thị trấn và chức danh Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) được bố trí phù hợp theo yêu cầu nhiệm vụ và có thể bố trí thêm nếu thực sự cần thiết, nhưng không vượt quá số lượng cán bộ, công chức được giao.

c) Nguyên tắc bố trí cán bộ, công chức cấp xã

Việc bố trí cán bộ, công chức phải đảm bảo có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt; đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn và năng lực công tác. Đồng thời phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, số lượng theo quy định. Phù hợp với vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ ở cơ sở, phải thực sự cần thiết mới bố trí cán bộ để đảm nhiệm.

Việc bố trí cán bộ, công chức cấp xã (bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về làm cán bộ, công chức cấp xã) phải đảm bảo các lĩnh vực công tác, nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền cấp xã đều có người đảm nhiệm. Ngoài các tiêu chuẩn theo quy định hiện hành, khi bố trí cần ưu tiên những người có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên để giới thiệu giữ các chức vụ là cán bộ cấp xã.

Đối với việc bố trí công chức cấp xã, ngoài quy định nêu trên thì phải đảm bảo về số lượng, yêu cầu về trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí đảm nhiệm.

3. Chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở cấp xã

a) Cán bộ, công chức cấp xã được hưởng chế độ tiền lương và phụ cấp theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP.

b) Cán bộ công chức cấp xã thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP.

c) Riêng đối với Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam cấp xã là người đang hưởng chế độ hưu trí, ngoài lương hưu hiện hưởng, hàng tháng được hưởng 100% mức lương bậc 01 của chức danh đảm nhiệm theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 5 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và không phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Sau thời gian đủ 5 năm (60 tháng) xếp bậc 1 nếu hoàn thành nhiệm vụ được giao và không bị kỷ luật trong suốt thời gian này thì được hưởng 100% mức lương bậc 2 của chức danh đảm nhiệm.

Điều 2. Quy định số lượng, chức danh, bố trí, sử dụng và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn

1. Số lượng:

- a) Cấp xã loại 1 tối đa 24 người;
- b) Cấp xã loại 2 tối đa 23 người;
- c) Cấp xã loại 3 tối đa 22 người.

2. Chức danh:

- a) Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- b) Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;
- c) Phó Trưởng Công an (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy);
- d) Phó Chỉ huy trưởng Quân sự;
- đ) Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi - Nông - Lâm, ngư nghiệp;
- e) Lao động - Thương binh và xã hội;
- g) Tổ chức Đảng;
- h) Kiểm tra Đảng;

- i) Tuyên Giáo;
- k) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc;
- l) Phó Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;
- m) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- n) Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
- o) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- p) Văn phòng Đảng ủy;
- q) Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ;
- r) Thi đua - Khen thưởng - Dân tộc - Tôn giáo;
- s) Phụ trách Đài truyền thanh (nơi có Đài truyền thanh);
- t) Quản lý nhà Văn hóa (nơi có nhà văn hóa);
- u) Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- v) Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;
- x) Công an viên thường trực.

3. Bố trí, sử dụng:

Chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã được bố trí 01 người. Căn cứ vào tình hình thực tế và khối lượng công việc tại địa phương, xét thấy thực sự cần thiết thì có thể bố trí thêm nhưng không vượt quá 02 người.

Chức danh Phó Trưởng Công an và Phó chỉ huy Trưởng Quân sự thuộc xã trọng điểm về quốc phòng - an ninh, xã biên giới và cấp xã loại 1, loại 2 theo quyết định về phân loại đơn vị hành chính cấp xã được bố trí 02 người với mỗi chức danh đảm nhiệm; xã loại 3 chỉ được bố trí 01 người với mỗi chức danh đảm nhiệm. Chức danh Công an viên thường trực mỗi xã được bố trí 02 người.

Các chức danh còn lại chỉ được bố trí 01 người cho mỗi chức danh đảm nhiệm.

4. Mức phụ cấp:

a) Chủ tịch Hội Người cao tuổi; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ; Phó trưởng Công an (nơi chưa bố trí được lực lượng công an chính quy); Phó Chỉ huy trưởng Quân sự; Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi - Nông - Lâm, ngư nghiệp; Lao động - Thương binh và Xã hội. Mỗi chức danh hưởng mức phụ cấp hệ số 1,0 so với mức lương cơ sở.

b) Tổ chức Đảng; Kiểm tra Đảng; Tuyên giáo; Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Phó Chủ tịch Hội Nông dân; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Văn phòng Đảng ủy; Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ; Thi đua - Khen thưởng - Dân tộc - Tôn giáo. Mỗi chức danh hưởng mức phụ cấp hệ số 0,7 so với mức lương cơ sở.

c) Phụ trách Đài truyền thanh (nơi có đài truyền thanh); Quản lý nhà Văn hóa (nơi có nhà văn hóa); Phó chủ tịch Hội Người cao tuổi; Phó chủ tịch Hội Chữ thập đỏ. Mỗi chức danh hưởng mức phụ cấp hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở.

Điều 3. Quy định số lượng, chức danh, bố trí, sử dụng và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố

1. Số lượng:

- Đối với những thôn, bản thuộc xã trọng điểm về quốc phòng - an ninh; xã biên giới; xã loại 1, loại 2; thôn, bản còn khó khăn về công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em theo danh sách được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và Tổ dân phố được bố trí tối đa 19 người.

- Đối với những thôn, bản, tổ dân phố thuộc xã còn lại được bố trí tối đa 17 người”.

2. Chức danh:

a) Bí thư chi bộ;

b) Trưởng thôn, bản, tổ dân phố;

c) Công an viên;

d) Trưởng Ban công tác mặt trận ở thôn, bản, tổ dân phố;

đ) Chi Hội trưởng hội Phụ nữ;

e) Bí thư chi đoàn thanh niên công sản Hồ Chí Minh;

g) Chi Hội trưởng hội Cựu chiến binh;

h) Chi Hội trưởng hội Nông dân.

i) Nhân viên y tế thôn, bản;

k) Cô đỡ thôn, bản;

l) Thôn đội trưởng;

m) Trưởng ban bảo vệ dân phố;

n) Phó trưởng ban bảo vệ dân phố;

o) Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố;

p) Tổ viên tổ bảo vệ dân phố;

3. Bố trí, sử dụng:

Việc bố trí những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố phải căn cứ vào nhu cầu thực tế, sự cần thiết về công việc để bố trí cho phù hợp, có thể bố trí kiêm nhiệm trên cơ sở khuyến khích người có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực công tác. Riêng chức danh Công an viên được bố trí theo quy định tại Nghị định số 73/2009/NĐ-CP; Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án "Nâng cao chất lượng, hiệu quả bảo vệ an ninh, trật tự của lực lượng Công an xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2014-2020".

4. Mức phụ cấp:

a) Bí thư chi bộ; Trưởng thôn, bản, tổ dân phố. Mỗi chức danh hưởng mức phụ cấp hệ số 0,65 so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự; xã biên giới; xã loại 1, loại 2); hưởng mức phụ cấp hệ số 0,6 so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản thuộc các xã còn lại; tổ dân phố).

b) Công an viên; Công an viên thường trực. Mỗi chức danh hưởng mức phụ cấp hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở.

c) Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, bản, tổ dân phố được hưởng mức phụ cấp hệ số 0,3 so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản thuộc xã trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự; thôn, bản thuộc xã biên giới, xã loại 1, xã loại 2); hưởng mức phụ cấp 0,25 so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản còn lại và các tổ dân phố).

d) Trưởng các Đoàn thể ở thôn, bản, tổ dân phố bao gồm: Chi Hội Trưởng Hội Phụ nữ; Bí thư Chi Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Chi hội Trưởng Hội Cựu chiến binh; Chi hội Trưởng Hội Nông dân. Mỗi chức danh hưởng mức phụ cấp hệ số 0,25 so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản thuộc xã trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự; thôn, bản thuộc xã biên giới, xã loại 1, xã loại 2); hưởng mức phụ cấp 0,2 so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản còn lại và các tổ dân phố).

đ) Nhân viên y tế thôn, bản hưởng mức phụ cấp hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở (đối với thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo Quyết định số 1049/2014/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng chính phủ); hưởng mức phụ cấp 0,3 so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản tại các xã còn lại).

e) Cô đỡ thôn, bản (đối với những thôn, bản còn khó khăn về công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em theo danh sách được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt) hưởng mức phụ cấp hệ số 0,3 so với mức lương cơ sở (trường hợp được hỗ trợ thấp hơn từ các nguồn kinh phí khác, ngân sách địa phương chỉ phân chênh lệch đảm bảo mức hưởng theo hệ số quy định trên);

g) Thôn Đội trưởng hưởng mức phụ cấp hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở;

h) Trưởng ban bảo vệ dân phố hưởng mức phụ cấp hệ số 0,7 so với mức lương cơ sở;

i) Phó Trưởng ban bảo vệ dân phố hưởng mức phụ cấp hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở;

k) Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố hưởng mức phụ cấp hệ số 0,4 so với mức lương cơ sở;

l) Tổ viên tổ bảo vệ dân phố hưởng mức phụ cấp hệ số 0,3 so với mức lương cơ sở.

Điều 4. Chế độ phụ cấp kiêm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và các chức danh ở thôn, bản, tổ dân phố

Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách xã, phường, thị trấn. Những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn kiêm nhiệm các chức danh hoạt động không chuyên trách xã, phường, thị trấn hoặc một trong các chức danh quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quyết định này bố trí kiêm nhiệm mà giảm được một người trong quy định số lượng các chức danh trên thì kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 20% mức phụ cấp hiện hưởng của chức danh kiêm nhiệm (trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp bằng 20%).

Điều 5. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng và chế độ bảo hiểm y tế đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố

1. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thực hiện chế độ bảo hiểm y tế đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn theo quy định quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế và các văn bản hướng dẫn.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nội vụ:

a) Chủ trì phối hợp với các ngành chức năng có liên quan tổ chức triển khai Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 8/4/2013 của Chính Phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính Phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương có liên quan.

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã rà soát, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố theo quy định.

c) Thực hiện việc thanh tra, kiểm tra bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã và ở thôn, bản, tổ dân phố theo quy định.

d) Căn cứ vào số lượng quy định và nhu cầu cần thiết theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét, phê duyệt số lượng cụ thể cần tuyển dụng đối với đội ngũ công chức cấp xã trên toàn tỉnh.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ cân đối ngân sách để thực hiện chế độ chính sách theo quy định tại Nghị định số 29/2013/NĐ-CP và Quyết định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng phương án bố trí số lượng cán bộ, công chức; số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở xã,

phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố trình cấp có thẩm quyền quyết định. Giải quyết chế độ chính sách liên quan đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, bản, tổ dân phố.

Điều 7. Thời gian áp dụng thực hiện mức phụ cấp đối với chức danh mới bổ sung; chức danh được nâng phụ cấp, hưởng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách Trung ương.

Điều 9. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 08/2009/QĐ-UBND ngày 27/7/2009 về việc phê duyệt điều chỉnh mức phụ cấp cho nhân viên y tế thôn, bản; Quyết định số 22/2009/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 về việc thành lập Bảo vệ dân phố và chế độ chính sách đối với Bảo vệ dân phố; Quyết định số 12/2010/QĐ-UBND ngày 3/8/2010 về việc giao số lượng cán bộ, công chức và quy định chức danh, số lượng, chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố; thay thế Điểm 2 Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 25/2011/QĐ-UBND ngày 5/9/2011 về việc ban hành một số chế độ chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ khi thực hiện nhiệm vụ; thay thế khoản 3.1, 3.2 mục 3, mục 4 phần I Điều 1 Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án "Nâng cao chất lượng, hiệu quả bảo vệ an ninh, trật tự của lực lượng Công an xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2014-2020".

Điều 10. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /:r

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Như Điều 10;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Điện Biên Phủ;
- Lưu: VT, TMI, NCNV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Mùa A Sơn

Số: 1107/BC-STP

Điện Biên, ngày 20 tháng 9 năm 2017

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1739/SNV-XDCQ&CTTN của Sở Nội vụ đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên và Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc giao số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND và Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND). Sau khi nghiên cứu dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết; căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 "*Điều 12. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật: 1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên có thẩm quyền. Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành*".

2. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng dựa trên các văn bản thể hiện trong phần căn cứ pháp lý ban hành văn bản là có căn cứ pháp lý, đúng pháp luật, về cơ bản bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, để dự thảo được hoàn thiện, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa một số nội dung sau:

2.1. Đối với dự thảo Nghị quyết

Tên gọi của Nghị quyết: đề nghị xem xét chỉnh sửa theo hướng "Sửa đổi, bổ sung **điểm a, khoản 1 và khoản 4 Điều 1** của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên", vì toàn bộ nội dung của dự thảo Nghị quyết chỉ "sửa đổi, bổ sung Điều 1".

2.2. Đối với dự thảo Tờ trình

Đề nghị Sở Nội vụ xây dựng dự thảo Tờ trình theo mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết

Nội dung của dự thảo phù hợp với Điều 13 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã "Cấp xã loại 1 được bố trí tối đa không quá 22 người; Cấp xã loại 2 được bố trí tối đa không quá 20 người; Cấp xã loại 3 được bố trí tối đa không quá 19 người" và khoản 1 Điều 8 Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã; khoản 1 Điều 13 Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ về bảo vệ dân phố.

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng tuân thủ quy định của pháp luật về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật soạn thảo văn bản được quy định tại Điều 77, Điều 78, Điều 79 và Mẫu số 39 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Kết luận

Qua nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, Tờ trình và căn cứ nội dung báo cáo thẩm định, Sở Tư pháp nhận thấy sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa các nội dung, Sở Tư pháp đã có ý kiến tại báo cáo thẩm định, Nghị


quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên **đủ điều kiện để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.**

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Đề nghị Sở Nội vụ nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo văn bản để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở Tư Pháp;
- Lưu: VT, XDKTVB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thanh Hưng